

Tư tưởng của Martin Heidegger về công nghệ trong bài luận

Font chữ UTM sử dụng
Bảng mã UNICODE
Vui lòng thiết lập lại
trình điều khiển bàn phím

Câu hỏi liên quan đến công nghệ

Font chữ UTM sử dụng
Bảng mã UNICODE
Vui lòng thiết lập lại
trình điều khiển bàn phím

ThS. NGUYỄN THÀNH NAM

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định; Email: nguyennamnute@gmail.com

Tóm tắt: Heidegger nhận thấy đặc điểm của thời hiện đại là sự thống trị của tư duy công cụ về công nghệ. Trong thời đại công nghệ, chúng ta luôn xem giới tự nhiên và con người là nguyên liệu và phương tiện cho mục đích của mình. Hướng tư duy đó là một mối nguy, làm che mờ sự tự tiết lộ của Tồn tại và suy giảm tính chân thực của tồn tại người. Vấn đề của thời hiện đại là thoát khỏi sự thống trị của tư duy công cụ và đạt được tự do trong mối quan hệ với công nghệ. Trong bài viết này, tác giả tập trung làm rõ quan điểm của Heidegger về công nghệ trong bài luận **“Câu hỏi liên quan đến công nghệ”** của ông.

Từ khóa: công nghệ; sự tiết lộ; dự trữ thường trực; sự đóng khung.

1. Mở đầu

Đối với cách hiểu thông thường, chúng ta hiểu bản chất của công nghệ gắn với các chức năng kỹ thuật của nó, ở tính hữu dụng của nó như cái hiển hiện trực tiếp. Quá trình chế tạo, sử dụng và phát triển các thiết bị công nghệ cũng là quá trình chúng ta nắm bắt đầy đủ hơn bản chất của công nghệ đó. Tuy nhiên, theo Heidegger, ngay cả khi chúng ta ủng hộ công nghệ, sử dụng thành thạo công nghệ và phát triển công nghệ, kiểm soát và làm chủ công nghệ, chúng ta cũng chưa thể hiểu về bản chất của công nghệ. Điều đó càng đúng khi chúng ta chối bỏ và xa lánh nó. Dù nhiệt tình thúc đẩy công nghệ hay lên án và xa lánh, chúng ta đều vẫn sẽ mù quáng trước bản chất của công nghệ. Heidegger viết: “Chúng ta sẽ không bao giờ trải nghiệm được mối quan hệ của mình với bản chất của công nghệ chừng nào chúng ta chỉ đơn thuần hình thành và thúc đẩy công nghệ. Ở mọi nơi, chúng ta đều không được tự do và bị xiềng xích vào công nghệ, cho dù chúng ta nhiệt tình khẳng định hay phủ nhận nó”⁽¹⁾.

2. Nội dung

Đối với Heidegger, bản chất của công nghệ là một mối quan hệ. Đó là cách chúng ta liên hệ với thế giới, định hướng đối với thế giới. Chúng ta cố gắng hiểu về bản chất của công nghệ không phải để chối bỏ công nghệ. Heidegger chưa từng khẳng định mình là người chống lại công nghệ. Hiểu bản chất của công nghệ là để đạt đến tự do trong mối quan hệ đối với công nghệ.

Giống như, bản chất của một cái cây không phải là một cây có thể gặp được giữa tất cả các cây khác, theo

Heidegger, “bản chất của công nghệ không phải là bất cứ thứ gì mang tính công nghệ”⁽²⁾. Khẳng định bản chất của công nghệ vượt ra ngoài quan điểm kỹ thuật thông thường, Heidegger đã mở rộng khái niệm và cách hiểu về công nghệ, biến nó thành một vấn đề triết học và nhìn vấn đề ở chiều kích rộng của triết học.

Tiếp theo, Heidegger dẫn ra hai quan niệm hiện tại về công nghệ. *Một là*, công nghệ là phương tiện để đạt được mục đích của con người, và *hai là*, công nghệ là hoạt động của con người. Đây là những cách hiểu mang tính công cụ (phương tiện để đạt được mục đích) và nhân học (hoạt động của con người) về công nghệ. Cách hiểu này là đúng đắn, ngay cả đối với những công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, theo Heidegger, sự đúng đắn chưa hẳn là sự thật, tức bản chất. Định nghĩa đúng đắn đó về công nghệ chưa cho chúng ta biết bản chất của công nghệ, vì sự đúng đắn chỉ tập trung vào một điều gì đó được xem xét tại một thời điểm và không nhất thiết phải khám phá ra bản chất của sự vật được đề cập. Điều chủ yếu là, cách hiểu công nghệ như phương tiện cho mục đích tất nhiên dẫn đến quan niệm về tính trung lập của công nghệ, rằng công nghệ có thể phục vụ cho cả mục đích tốt hoặc xấu.

Để truy tìm bản chất của công nghệ, Heidegger trở lại với các khái niệm mang ý nghĩa khởi nguyên, trở lại học thuyết bốn nguyên nhân của Aristotle. Heidegger giải thích rằng, người Hy Lạp gọi nguyên nhân là *aitia*, tức là một thứ mà cái gì đó khác mắc nợ nó. Chiếm chèn thánh bằng bạc mắc nợ bạc là chất liệu mà từ đó nó được tạo nên, mắc nợ hình dạng tạo thành nó, mắc nợ

cái mục đích mà sau khi được sản xuất ra nó sẽ trở thành, và mắc nợ quá trình vận động, chế tác của người thợ thủ công. Sự mắc nợ, theo Heidegger, không phải là điều đáng phê phán về đạo đức mà là phương thức nguyên thủy để tiết lộ. Bốn nguyên nhân là các phương thức tạo ra trong quá trình sinh ra, đưa ra, tức biến một điều bị che giấu thành sự không che giấu, mà người Hy Lạp gọi là *aletheia*, tức là sự tiết lộ. Những công nghệ cổ xưa nhất mà con người tạo ra là sự tiết lộ, hơn nữa, nó còn là quan hệ nguyên thủy bản chất.

Heidegger viết: "Do đó, công nghệ không chỉ là phương tiện. Công nghệ là cách để tiết lộ. Nếu chúng ta chú ý đến điều này, thì một lĩnh vực hoàn toàn khác cho bản chất của công nghệ sẽ tự mở ra cho chúng ta. Đó là lĩnh vực tiết lộ, tức là, của sự thật"⁽⁶⁾.

Khái niệm công nghệ mà chúng ta sử dụng ngày nay có nguồn gốc từ khái niệm *techne* trong tiếng Hy Lạp cổ đại. Heidegger giải thích rằng, *techne* không chỉ là hoạt động kỹ năng của nghề thủ công, mà còn là nghệ thuật của trí óc và mỹ thuật. "Kỹ thuật thuộc về sự sinh ra, về thơ ca; nó là một cái gì đó mang tính thơ ca"⁽⁴⁾. Quan trọng hơn, Plato còn liên hệ *techne* với *episteme* (khoa học, kiến thức), chỉ việc hoàn toàn quen thuộc và trở thành chuyên gia trong một lĩnh vực nào đó. Chính sự hiểu biết như vậy mang đến sự mở ra, sự tiết lộ, vì "bất kỳ ai xây nhà, tàu thuyền hay rèn chén thánh đều tiết lộ điều gì sẽ được đưa ra... Do đó, điều quyết định trong *techne* không nằm ở việc tạo ra và thao tác hay sử dụng phương tiện, mà đúng hơn là ở sự tiết lộ"⁽⁶⁾. Ý nghĩa của *techne* không nằm ở sản xuất, mà nằm ở sự đưa ra, mở ra. Đối với Heidegger, công nghệ không tách biệt với con người cũng như con người không tách biệt với thế giới. Công nghệ là một phương thức tiết lộ, nó tiết lộ chân lý của thế giới. Khái niệm "tiết lộ" có liên hệ sâu sắc với sự mạc khải của tôn giáo Kitô. Tiết lộ theo nghĩa là mạc khải, đồng thời cũng là sự "cho đi" giống như rượu trong chiếc chén thánh tượng trưng cho sự dâng hiến, "cho đi" đời mình cho nhân loại của Chúa Kitô. Thế giới "cho đi" nó cho chúng ta trong chừng mực nó tự tiết lộ, mạc khải cho chúng ta.

Heidegger tự đặt câu hỏi, và đây cũng là thắc mắc của chúng ta: Sự tiết lộ là hoàn toàn đúng đối với những công nghệ sơ khai, giống như ở thời Hy Lạp cổ đại, nhưng với những công nghệ hiện đại thì sao? Chúng có phải là sự tiết lộ không? Chẳng phải chúng là ứng dụng của môn khoa học chính xác là vật lý học đó sao?

Chẳng phải vật lý học hiện đại đã xuất hiện trước và đã mở đường cho công nghệ hiện đại hay sao?

Heidegger trả lời rằng, bản chất của "tất cả những gì xuất hiện, không chỉ công nghệ hiện đại, đều ẩn mình ở khắp nơi cho đến phút cuối cùng. Tuy nhiên, xét về sự thống trị của nó, nó vẫn là thứ có trước tất cả: sớm nhất"⁽⁶⁾.

Heidegger truy nguyên ý nghĩa của những khái niệm, những mối liên hệ nguyên thủy cổ xưa để chỉ ra bản chất chi phối bên trong của chúng và ảnh hưởng bền lâu của chúng. Về mặt lịch sử, toán học và vật lý học đã xuất hiện trước công nghệ hiện đại gần hai thế kỷ. Vật lý học hiện đại xuất hiện từ thế kỷ XVII, còn công nghệ hiện đại xuất hiện nửa sau thế kỷ XVIII. Nhưng công nghệ hiện đại, xét về mặt bản chất chi phối bên trong, lại có sớm hơn vật lý hiện đại. Từ bản chất, vật lý hiện đại đã "phụ thuộc vào thiết bị kỹ thuật và vào tiến trình xây dựng thiết bị"⁽⁷⁾. Chính tinh thần của công nghệ hiện đại từ đầu đã định hướng cho khoa học và vật lý học hiện đại, biến khoa học đó thành "khoa học vì công nghệ", phục vụ cho tham vọng của công nghệ. Một lý thuyết khoa học chỉ có giá trị bản thể và được chấp nhận khi nó đáp ứng các nhu cầu và làm tăng quyền năng của công nghệ trong kiểm soát giới tự nhiên.

Công nghệ là sự tiết lộ và công nghệ hiện đại cũng thế. Nó cũng là một sự tiết lộ. Tuy nhiên, theo Heidegger, công nghệ hiện đại không tiết lộ theo cách "đưa ra", "mở ra". Trái lại, sự tiết lộ của công nghệ hiện đại là một thách thức, cuốn con người vào nhu cầu vô lý về sự khai thác và lưu trữ. Công nghệ hiện đại thách thức giới tự nhiên tự bộc lộ ra những nguồn năng lượng giấu kín của nó và sử dụng các phương tiện để khai thác, chiết xuất và dự trữ giới tự nhiên.

Heidegger đã lấy ví dụ về sự khác biệt giữa công nghệ cổ xưa và công nghệ hiện đại. Cánh cửa cối xay gió quay theo gió, nhưng cối xay gió không chiết xuất năng lượng từ luồng không khí để lưu trữ. Ngược lại, một vùng đất bị thách thức trong việc khai thác than và quặng, nó tự bộc lộ mình là một quặng khai thác than, một mỏ khoáng sản cho sự khai thác, chiết xuất và lưu trữ. Chiếc cầu gỗ nối liền hai bờ sông Rhine và những bài thơ về sự thơ mộng của sông Rhine không thách thức dòng sông, không làm thay đổi bản chất của dòng sông, nhưng đập thủy điện và tua - bin của nhà máy điện đặt trên sông Rhine đã thách thức, thay đổi bản

chất và biến dòng sông thành nguồn cung cấp năng lượng thủy điện. Công nghệ hiện đại đã sử dụng thiên nhiên theo nghĩa thách thức thiên nhiên, giải phóng các nguồn năng lượng ẩn giấu của thiên nhiên, lưu trữ, chuyển đổi và phân phối chúng. Sự thách thức đó xảy ra khi năng lượng ẩn giấu trong tự nhiên được mở khóa, những gì được mở khóa sẽ được chuyển đổi, những gì được chuyển đổi sẽ được lưu trữ, những gì được lưu trữ sẽ được phân phối, và những gì được phân phối sẽ được chuyển đổi liên tục. Mở khóa, chuyển đổi, lưu trữ, phân phối và chuyển đổi là những cách để tiết lộ⁽⁸⁹⁾.

Với công nghệ hiện đại, con người được thách thức để khai thác các nguồn năng lượng thiên nhiên. Heidegger cho rằng, công nghệ hiện đại đã cô lập thực tế và tiết lộ thực tế như một kho dự trữ thường trực. Dự trữ thường trực là khái niệm của Heidegger chỉ cách mà mọi thứ hiện diện được tạo ra bởi sự tiết lộ đầy thách thức⁽⁹⁰⁾, là cách mà thực tại tiết lộ bởi công nghệ hiện đại. Với công nghệ hiện đại, con người thiết lập, sắp xếp thực tại như là dự trữ thường trực cho mục đích của mình. Theo đó, vùng đất trở thành dự trữ thường trực của ngành khai thác than và khoáng sản, khu rừng biến thành dự trữ thường trực của ngành công nghiệp giấy, và sông Rhine trở thành dự trữ thường trực của ngành năng lượng thủy điện. Bằng tư duy công cụ về công nghệ, tức tư duy muốn biến mọi nguồn lực thành phương tiện cho mục đích, con người đã biến giới tự nhiên thành một kho dự trữ thường trực không lồ. Chính tư duy công cụ về công nghệ với tham vọng kiểm soát thiên nhiên đã biến thiên nhiên thành nguồn nguyên liệu thô làm nó không thể tự tiết lộ theo cách nguyên thủy được nữa.

Một mặt, thực tại tiết lộ như là dự trữ thường trực đối với con người nhưng mặt khác, theo Heidegger, bản thân con người cũng biến thành nguồn dự trữ thường trực đối với nhau và tự huỷ hoại mình theo cách đó. Chúng ta hay dùng khái niệm nguồn nhân lực để nói về điều này, khi con người bị biến thành một nguồn lực giống như những nguồn lực tự nhiên khác. Ngành công nghiệp giấy là dự trữ thường trực cho ngành công nghiệp in ấn, dư luận trở thành dự trữ thường trực cho các tạp chí và các bệnh nhân trở thành dự trữ thường trực cho các phòng khám. Một vấn đề lớn về đạo đức nảy sinh khi con người bị biến thành dự trữ thường trực cho công nghệ.

Theo Heidegger, khái niệm eidos của Plato là bản

chất của những cái chúng ta có thể cảm giác được, lúc đầu được dùng để chỉ các sự vật hữu hình. Tương tự, khái niệm sự đóng khung (enframing) vốn có nghĩa là giá đỡ, bộ khung, có thể được dùng để chỉ bản chất của công nghệ hiện đại.

Heidegger viết: Enframing có nghĩa là sự tập hợp lại của sự sắp đặt mà đặt lên con người, tức là, thách thức anh ta, để tiết lộ cái thực, theo cách sắp xếp, như là dự trữ thường trực⁽¹⁰⁾. Enframing là cách mà thực tế tự bộc lộ như một dự trữ thường trực⁽¹¹⁾, là một lời kêu gọi đầy thách thức để tiết lộ. Bản chất của công nghệ hiện đại là sự đóng khung, là sự tập hợp lại, sắp xếp những cái thuộc về thế giới thành dự trữ thường trực.

Sự đóng khung, do đó, cũng chứa đựng những nguy cơ tiềm tàng. Khi quá chú tâm vào sắp xếp để tăng sản lượng, tăng lợi nhuận và giảm chi phí, chúng ta chỉ coi mọi thứ như phương tiện để đạt được mục đích. Nó trở nên nguy hiểm vì chúng ta mang tư duy công cụ và phá huỷ thế giới trong quá trình này. Bản chất đóng khung của công nghệ hiện đại, theo Heidegger, đã được vật lý học biểu diễn bằng tư duy tính toán.

Quay lại mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ, Heidegger dùng khái niệm sự đóng khung chỉ bản chất của công nghệ hiện đại với hàm ý rằng, con người luôn muốn nhận thức thế giới bằng những khuôn khổ định sẵn, muốn đóng gói giới tự nhiên trong những phương trình chính xác của vật lý học. Theo mô hình này, mọi thứ chỉ tồn tại khi chúng được đo lường. Công nghệ hiện đại đã tìm đến vật lý học như một phương tiện cho nhu cầu của mình.

Ý chí kiểm soát của công nghệ hiện đại thách thức thiên nhiên bộc lộ năng lượng ẩn giấu, đặt ra yêu cầu cho thiên nhiên phải thể hiện là những đối tượng có thể tính toán được và dự đoán được một cách chính xác. Công nghệ hiện đại tìm thấy vật lý học hiện đại như một phương thức thích hợp, một sự giả để tiết lộ bản chất đóng khung của nó. Bởi vì bản chất của công nghệ hiện đại nằm ở Enframing, công nghệ hiện đại phải sử dụng khoa học vật lý chính xác⁽¹²⁾ để sắp xếp thực tại như những mối liên hệ nhân quả và định nghĩa sự tiết lộ theo góc độ nhân quả. Sự khó hiểu và khó hình dung của vật lý học, sự phức tạp trong quá trình đo lường và nhận thức thế giới, nhất là thế giới vi mô, không phải do hạn chế nội tại của nó mà do nó bị thách thức bởi quy tắc của enframing.

Theo Heidegger, cách nhìn nhận thực tại theo tất

yếu nhân quả là một sự nguy hiểm, vì nó đồng thời làm con người hiểu sai về sự tiết lộ và nao núng trước nó. Khi mọi thứ hiện diện như những mối liên hệ nhân quả giản lược, ngay cả Chúa cũng mất đi sự cao quý thánh thiện của mình và bị [chìm xuống mức độ của một nguyên nhân⁽¹³⁾], như cách người ta chứng minh sự tồn tại của Chúa bằng các định luật khoa học.

Trong thời kỳ đầu của lịch sử, thế giới tự tiết lộ, tự mặc khải cho con người, nhưng bước sang thời hiện đại, mối quan hệ giữa con người với thế giới đã chuyển sang quan hệ [đóng khung]. Con người mãi miết tham gia vào quá trình thách thức của enframing đến mức không nhận ra chính mình. Sự đóng khung, do đó, đã che giấu cách thức tiết lộ và bản thân sự tiết lộ, làm sự thật rút lui, ngăn cản sự toả sáng và nắm giữ chân lý.

Đối với Heidegger, mỗi hiểm nguy từ công nghệ hiện đại không nằm trực tiếp ở những thiết bị công nghệ, những công cụ kỹ thuật cụ thể đang thống trị thế giới. Mỗi đe dọa nằm ở định hướng của chúng ta đối với thế giới, ở tính độc quyền của tư duy công cụ. Bằng tư duy công cụ, con người biến giới tự nhiên thành [dự trữ thường trực], tự mãn cho rằng mình là chủ nhân của giới tự nhiên, ảo tưởng có thể giải quyết mọi vấn đề bằng công nghệ và quên đi những cách thức khác, quên đi cả cách thức nguyên thủy mà thế giới tự bộc lộ, tự mặc khải cho con người. Tư duy công cụ về công nghệ, như hệ quả của chủ nghĩa duy lý, đã áp đặt lên con người một phương thức sống hoàn toàn không tương thích với bản chất của tồn tại người, làm mất tự do của con người khi trói chặt suy nghĩ và hành động vào những gì mà công nghệ đòi hỏi. Heidegger cảnh báo rằng: [Mỗi đe dọa đối với con người không đến ngay từ đầu từ những cỗ máy và thiết bị công nghệ có khả năng gây chết người. Mỗi đe dọa thực sự đã ảnh hưởng đến con người trong bản chất của nó. Quy tắc của Enframing đe dọa con người với khả năng rằng nó có thể bị từ chối để anh ta bước vào một sự tiết lộ nguyên bản hơn và do đó trải nghiệm tiếng gọi của một chân lý nguyên thủy hơn⁽¹⁴⁾].

Tuy nhiên, mặc dù mang bản chất enframing, nhưng công nghệ hiện đại vẫn là một sự tiết lộ. Nhân loại vẫn nhận thức thế giới khi nó tự bộc lộ. [Sự đóng khung] không làm thay đổi hoàn toàn mối quan hệ giữa con người với thế giới, không đưa đến một số phận tất định mà chỉ là mở ra các khả năng, các nguy cơ. [Đóng khung] là một sự sắp đặt, như một cách để tiết lộ, để

đưa ra, cũng là một định mệnh theo nghĩa này. Theo Heidegger, định mệnh không được hiểu như số phận tất yếu của một quá trình không thể thay đổi hay quyết định luận nhân quả. Định mệnh [về bản chất là định mệnh của Tồn tại, thực sự theo cách mà Bản thể tự nó diễn ra để thích nghi với chính nó⁽¹⁵⁾]. Khi nói enframing là bản chất của công nghệ hiện đại, Heidegger hiểu bản chất không phải là cái chung phổ biến, như bản chất [cây] có ở mọi cái cây cụ thể và cũng không tồn tại vĩnh viễn so với những hiện tượng thay đổi tạm thời như cách hiểu của Socrates và Plato. Đối với Heidegger, sự tiết lộ của enframing là một [con đường thách thức], là một [con đường có đặc điểm là định mệnh⁽¹⁶⁾], nhưng định mệnh, tại bất kỳ thời điểm nào, cũng đưa con người vào con đường tiết lộ, tại thời điểm nào cũng mặc khải cho con người.

Một mặt, định mệnh ngự trị trong chế độ đóng khung là mối nguy hiểm tối cao, nhưng mặt khác, nó ban cho con người khả năng chịu đựng, có thể được sử dụng để bảo vệ sự xuất hiện của chân lý, như Heidegger trích lời của nhà thơ Hölderlin, rằng [nơi nào có nguy hiểm, nơi đó sức mạnh cứu rỗi cũng lớn mạnh⁽¹⁷⁾].

Ngay trong bản chất của công nghệ cũng chứa đựng sức mạnh của sự cứu rỗi. Nhưng để có được sức mạnh cứu rỗi đó, chúng ta cần có sự chuẩn bị cần thiết. Để mở ra tự do trong quan hệ với công nghệ, bản chất của con người phải mở ra bản thân với bản chất của công nghệ, con người hiện đại [trước hết và trên hết phải tìm đường quay trở lại với chiều rộng đầy đủ của không gian phù hợp với bản chất của mình⁽¹⁸⁾] thông qua suy nghĩ thiên định, ngôn ngữ và thơ ca.

Khác với tư duy tính toán chỉ quan tâm đo lường giới tự nhiên cho mục đích khai thác và lưu trữ, suy nghĩ thiên định hướng tới sự truy vấn bản thân về mục đích và ý nghĩa của tồn tại. Trước hết, theo Heidegger, chúng ta phải chú ý đến sự xuất hiện của công nghệ, suy nghĩ sâu sắc về bản chất của công nghệ và những mối nguy mà nó đặt ra, phải chú ý đến sự hiện diện của Tồn tại trong suy nghĩ của mình bằng cách không ngừng đặt câu hỏi về công nghệ và suy ngẫm một cách hoài nghi về bản chất của công nghệ, vì hoài nghi là [lòng thành kính của tư tưởng⁽¹⁹⁾]. Thông qua suy nghĩ về bản chất của công nghệ, chúng ta [học được cách cư trú trong cõi mà ở đó xảy ra sự vượt qua phục hồi của định mệnh của Tồn tại, sự vượt qua của Enframing⁽²⁰⁾]. Bằng cách nhận ra những mối nguy của công nghệ, chúng ta

hướng suy nghĩ của mình đến sức mạnh của sự cứu rỗi, đưa chúng ta đến chân lý của Tồn tại.

Hơn nữa, sự suy nghĩ luôn phải gắn với những điều gần gũi, liên quan trực tiếp cũng như sự truy nguyên về ý nghĩa nguyên thủy của những khái niệm. Ngôn ngữ không chủ yếu là sự diễn đạt của suy nghĩ, cảm xúc và ý chí, càng không nên là công cụ thuần túy của lý tính. Ngôn ngữ gốc, đối với Heidegger, như "chiều kích nguyên thủy mà trong đó bản chất của con người lần đầu tiên có thể tương ứng với Tồn tại"⁽²¹⁾, là chiều kích mà Tồn tại mang bản chất của nó vào để khơi dậy và phát ngôn.

Tiến bộ công nghệ, như cách hiểu của chúng ta, có khả năng rút ngắn thời gian và thu hẹp khoảng cách không gian. Nhưng với Heidegger, sự thu hẹp đó không hề mang lại sự gần gũi. Từ góc độ hiện tượng học, sự gần gũi đối với Tồn tại gắn với những mối quan tâm, những trải nghiệm thông thường và hiểu biết hàng ngày hơn là từ sự tiếp cận trừu tượng của tư duy khoa học. Heidegger còn cho rằng "khoa học không hề suy nghĩ" theo nghĩa nó đã lược bỏ mọi hình thức nhận thức đa dạng của con người, chỉ giữ lại kiểu duy lý trừu tượng và bắt các hình thức khác phục tùng. Trong siêu hình học, truyền thống này bắt nguồn từ Plato đến Hegel. Chính sự ngạo mạn duy khoa học đã làm nhận thức trở nên phiến diện và xa rời Tồn tại, biến lịch sử triết học thành lịch sử của sự lãng quên dần đối với Tồn tại.

Trái ngược với truyền thống duy lý, Heidegger coi thơ ca và nghệ thuật nói chung là hình thức tự bộc lộ, không che giấu của bản chất. Khác với sự can thiệp, làm phá vỡ bản chất của công nghệ hiện đại, thơ ca và nghệ thuật luôn xem thế giới như nó vốn có và tự tiết lộ, tự mặc khải cho con người. Dòng sông Rhine thơ mộng và trữ tình trong thơ ca của Hölderlin là một biểu tượng của sự thúc đẩy sức mạnh cứu rỗi và đánh thức niềm tin của chúng ta về những điều được ban tặng, để chúng ta có thể, như Heidegger trích lời Hölderlin, "sống một cách thơ mộng trên trái đất này"⁽²²⁾. Đối với Heidegger, có lẽ những nghệ sĩ và nhà thơ như Friedrich Hölderlin có vai trò dẫn dắt chúng ta đến sự mặc khải của chân lý nhiều hơn cả những triết gia. Tất nhiên, để đạt được tự do trong quan hệ với công nghệ, mỗi chúng ta không nhất thiết phải trở thành một nghệ sĩ hay nhà thơ, nhưng chúng ta cần tích hợp cách suy nghĩ, nhìn nhận thế giới của một nghệ sĩ vào trong định hướng đối với công nghệ.

Heidegger viết: "Có một thời mà không chỉ công nghệ mới mang tên là techne" Ngày xưa, có một thời mà sự đưa chân lý vào cái đẹp được gọi là techne. Và thơ ca của mỹ thuật cũng được gọi là techne"⁽²³⁾. Đó là thời Hy Lạp cổ đại, thời kỳ ngắn ngủi huy hoàng nơi mà sự tiết lộ nắm quyền hoàn toàn trong tất cả các loại hình nghệ thuật và nghệ thuật hiện diện trong tất cả các lĩnh vực. Nếu công nghệ là techne, là nghệ thuật, và là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên thì quan hệ đó phải chứa đựng định hướng của cái đẹp và đạo đức. Con người không thể coi tự nhiên như "đự trữ thường trực" cho mục đích của mình mà phải coi nó như một chủ thể đạo đức có mục đích tự thân, vì giá trị của các dạng sống phi nhân loại là vốn có, không phụ thuộc vào sự hữu ích của nó đối với con người.

Heidegger luôn nhấn mạnh rằng, với bản chất en-framing của công nghệ hiện đại, chúng ta luôn định hình mọi thứ đơn giản chỉ là những "đự trữ thường trực", từ đó khó tiếp cận, thậm chí không biết đến những hình thức tự tiết lộ khác. Bằng suy nghĩ thiên định, ngôn ngữ và thơ ca, chúng ta bước vào thế giới mà mọi thứ tự tiết lộ, tự mặc khải cho chúng ta và đưa công nghệ trở lại sự phù hợp đúng đắn, trở lại bản chất ban đầu và giữ nó an toàn trong đó. Đó chính là sức mạnh cứu rỗi, vì "thứ thực sự cứu rỗi là thứ giữ an toàn, bảo vệ"⁽²⁴⁾.

3. Kết luận

Quan niệm của Heidegger về bản chất của công nghệ như sự tiết lộ phù hợp với tư tưởng triết học và phương pháp hiện tượng học của ông. Tồn tại có tính cởi mở, không ẩn giấu và tự tiết lộ là cách mà một cái gì đó trở thành Tồn tại. Tư tưởng của Heidegger về công nghệ cũng hàm ý rằng, chính định hướng của chúng ta đối với thế giới quyết định bản chất của công nghệ. Chúng ta có thể thay đổi bản chất đó bằng cách thay đổi định hướng đối với thế giới, và phải định hướng lại theo cách mà thế giới tự bộc lộ. Từ bỏ tính độc quyền của tư duy công cụ để nhìn nhận thế giới như nó vốn có là điều kiện để tiết lộ chân lý./.

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23), (24) Martin Heidegger (1977), *Câu hỏi liên quan đến công nghệ và các bài luận khác* (The Question Concerning Technology and Other Essays), Translated and with an Introduction by William Lovitt, Garland Publishing, Inc, New York & London, tr.4, 4, 12, 13, 13, 22, 14, 16, 17, 20, 23, 23, 26, 28, 38, 29, 28, 39, 35, 41, 41, 34, 34, 42.